

UBND XÃ YẾT KIÊU
TRƯỜNG TIỂU HỌC YẾT KIÊU



TẬP LƯU
CÔNG KHAI HOẠT ĐỘNG
CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC YẾT KIÊU

Năm học: 2025-2026

Yết Kiêu, ngày 10 tháng 9 năm 2025

**CÔNG KHAI HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC YẾT KIÊU
NĂM HỌC 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Trường Tiểu học Yết Kiêu **công khai** trong trường học đầu năm học 2025 – 2026 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

- 1. Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học Yết Kiêu, xã Yết Kiêu, Thành phố Hải Phòng.
- 2. Địa chỉ trụ sở chính** và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Thôn Khăn, xã Yết Kiêu, Thành phố Hải Phòng .

Thư điện tử: **tieuhocyetkieu1@gmail.com**

Trang web: **<http://gl-thyetkieu.haiduong.edu.vn/>**

3. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực cho học sinh

Tầm nhìn: Với khát vọng, trường Tiểu học Yết Kiêu là một trong những trường chất lượng ổn định, có tính bền vững của xã Yết Kiêu - Nơi phụ huynh học sinh tin cậy, chiếc nôi rèn luyện cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mục tiêu: Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt. Là nền tảng vững chắc để HS bước vào bậc THCS.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Yết Kiêu được thành lập từ năm 1956. Năm 1994 trường được tách ra từ trường phổ thông cơ sở và chính thức mang tên là trường Tiểu học Yết Kiêu.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, đã có bao thế hệ thầy cô giáo - những "Kỹ sư tâm hồn" - với lòng say mê nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm cao, bằng tâm huyết của mình đã tích cực đóng góp trí tuệ, công sức để xây dựng nhà trường thành đơn vị có nhiều thành tích và truyền thống vẻ vang trong sự nghiệp "trồng người". Từ mái trường Tiểu học Yết Kiêu có biết bao thế hệ học sinh đã trưởng thành, trở thành những kỹ sư, bác sỹ, sĩ quan quân đội; trở thành những doanh nhân thành đạt, người lao động có ích cho xã hội. Họ có mặt trên mọi miền đất nước, tham gia công tác trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đem sức lực, tài năng cống hiến cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với những bước phát triển của địa phương, trường Tiểu học Yết Kiêu đã khẳng định được vị trí của mình trong ngành Giáo dục của xã, của thành phố Hải Phòng.

Trường có đủ phòng học và phòng chức năng theo quy định, đáp ứng yêu cầu trường Chuẩn Quốc gia mức độ I. Các phòng học được trang trí khá đẹp mắt, thân thiện, phòng chức năng có thiết bị thiết yếu được sắp xếp hợp lý, khoa học, khu nhà của học sinh ăn bán trú gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh.

Từ năm 1994 đến nay, trường nhiều năm liên tục đạt tập thể lao động Tiên tiến; Nhà trường quyết tâm phấn đấu vươn lên khẳng định mình, tạo bước đi vững chắc trên con đường xây dựng thương hiệu của nhà trường. Trong 5 năm qua, trường được UBND huyện công nhận đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến. Chi bộ Đảng luôn đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ và Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2023 đạt chi bộ Hoàn thành Xuất sắc tiêu biểu được Đảng bộ khen thưởng. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hằng năm đều đạt Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ và được Huyện đoàn tặng Giấy khen, Đội TNTP Hồ Chí Minh hằng năm đều được công nhận vững mạnh và được huyện đoàn tặng Giấy khen. Hội cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả theo Thông tư 59 nhằm hỗ trợ cho nhiệm vụ chuyên môn nhà trường. Nhiều năm liền nhà trường đều đạt đơn vị cơ quan văn hóa cấp huyện. Thư viện nhà trường đạt mức 1 theo Thông tư 16/2022.

5. Thông tin người đại diện hợp pháp của nhà trường

Họ và tên: Trần Thị Phương

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: thôn Thượng Bì 2 - xã Yết Kiêu – Thành phố Hải Phòng

Số điện thoại: 0913224527

Thư điện tử: tieuhocyetkieu1@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy:

- a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);
- b. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó

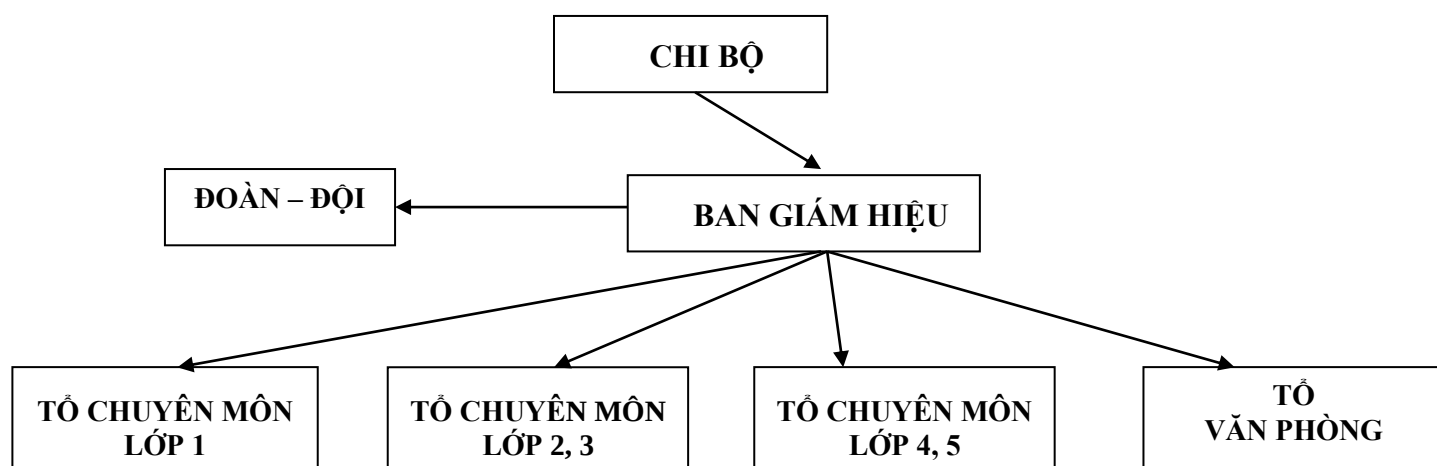
giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm chức danh Hiệu trưởng trường Tiểu học Yết Kiêu số: 893/QĐ-UBND ngày 26/2/2025.

Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm chức danh Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Yết Kiêu số: 936/QĐ-UBND ngày 07/03/2025.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục theo: Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



8. Các văn bản khác của nhà trường (Được công khai đính kèm)

- 8.1. Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục
- 8.2. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục
- 8.3. Các nghị quyết của hội đồng trường
- 8.4. Nội quy làm việc của cán bộ giáo viên
- 8.5. Quy chế chi tiêu nội bộ

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm 2024 (theo phụ lục 1- công khai tài chính đính kèm).

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2024- 2025, dự kiến năm học 2025- 2026 (theo phụ lục 2- công khai tài chính đính kèm).

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách năm học 2024- 2025 về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học (theo phụ lục 3- công khai tài chính đính kèm).

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù: không có.

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: đã thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử, trang enetviet và tại bảng tin của nhà trường.

Mục 3. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ DT				Hạng chức danh NN				Chuẩn NN			Ghi chú
			Th.S	ĐH	CĐ	Dưới TC	I	II	III	IV	T	Kh á	Đạt	
Tổng số CBQL, GV,NV – VC														
I	Giáo viên	30		30			2	14	11					
1	GV văn hóa	23		23			1	13	9					
2	Ngoại ngữ	3		3					1					
3	Tin học - Công nghệ	1		1					1					
4	Âm nhạc	1		1				1						
5	Mĩ thuật	1		1			1							
6	GDTC	1		1										
II	Cán bộ quản lý	2	2	0	0	0	1	1	0	0	2	0	0	
1	Hiệu trưởng	1	1				1				1			
2	Phó Hiệu trưởng	1	1					1			1			
III	Nhân viên	4		1	1	2								
1	Kế toán - Văn thư	1		1										
2	Thư viện - Thiết bị	1			1									
3	Bán trú													HĐ
4	Bảo vệ	1				1								HĐ
5	Lao công	1				1								HĐ

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2025 – 2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21/21	1.6m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21/21	21/21
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6.766	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.800	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2.300	
2	Diện tích thư viện (m ²)	53	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	70	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	53	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	30	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	21	
1.1	Khối lớp 1	4	
1.2	Khối lớp 2	4	
1.3	Khối lớp 3	4	
1.4	Khối lớp 4	4	
1.5	Khối lớp 5	5	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		

2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	27	1 tivi/1 lớp
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Bảng tương tác	1	
7	Tủ lạnh	1	
8	Đàn		

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	89m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	3 phòng - 148m ²	140	1.1m ²
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	06			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		02			m ² /học sinh

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Danh mục sách giáo khoa:**DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 1 - NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Thông báo số 02a/TB-THYK ngày 26/05/2025 của trường Tiểu học Yết Kiêu
v/v chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh năm học 2025 - 2026)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả (Chủ biên, tổng chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Toán 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	PGS.TS Lê Anh Vinh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 1	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên kiêm chủ biên),	NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Giáo dục thể chất 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết, Lê Anh Thơ (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Thoan, Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7	TN&XH 1	Cánh diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên) Bùi Phương Nga (Chủ biên)	NXB Đại học Sư phạm
8	Mĩ thuật 1	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Tấn Cường (Đồng chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên).	NXB Giáo dục Việt Nam

Danh mục trên gồm 9 sách giáo khoa./.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 - NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Thông báo số 02a/TB-THYK ngày 26/05/2025 của trường Tiểu học Yết Kiêu
v/v chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh năm học 2025 - 2026)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tên tác giả (Chủ biên, tổng chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Toán 2 (tập 1,2)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tổng chủ biên: GS Hà Huy Khoái; Chủ biên PGS.TS Lê Anh Vinh	NXB Giáo dục Việt Nam

2	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên); Bùi Thị Hiền Lương – Đồng Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 2	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng chủ biên) Phạm Quang Tiệp (Chủ biên)	NXB Đại học Sư Phạm thành phố Hồ Chí Minh
4	Giáo dục thể chất 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
7	TNXH 2	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên) Bùi Phương Nga (Chủ biên)	NXB Đại học Sư Phạm
8	Mĩ thuật 2	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên).	NXB Giáo dục Việt Nam

Danh mục trên gồm 9 sách giáo khoa ./.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 NĂM HỌC 2025 – 2026

*(Kèm theo Thông báo số 02a/TB-THYK ngày 26/05/2025 của trường Tiểu học Yết Kiêu
v/v chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh năm học 2025 - 2026)*

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Thị Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	NXB Giáo dục Việt Nam
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3 (Tập 1, 2)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 3	Global Success	Hoàng Văn Vân – Tổng Chủ biên, Phan Hà – Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam

4	Đạo đức 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Tự nhiên và Xã hội 3	Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	NXB Đại học Sư phạm
6	Giáo dục thể chất 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm 3	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quê.	NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh
8	Tin học 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Công nghệ 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Âm nhạc 3	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Mĩ thuật 3	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Anh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam

Danh mục trên gồm 11 sách giáo khoa./.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 NĂM HỌC 2025-2026

*(Kèm theo Thông báo số 02a/TB-THYK ngày 26/05/2025 của trường Tiểu học Yết Kiêu
v/v chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh năm học 2025 - 2026)*

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	NXB Giáo dục Việt Nam
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hoàng, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục Việt Nam

3	Đạo đức 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 4	Cánh Diều	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	NXB Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc 4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 4	Cánh Diều	Nguyễn Đức Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
11	Mĩ thuật 4	Chân trời sáng tạo - Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn	NXB Giáo dục Việt Nam

Danh mục trên gồm 12 sách giáo khoa./

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 5 NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số 02a/TB-THYK ngày 26/05/2025 của trường Tiểu học Yết Kiêu
v/v chuẩn bị sách giáo khoa cho học sinh năm học 2025 - 2026)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Tác giả (Ghi tắt cả tên tác giả của bộ sách)	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	NXB Giáo dục Việt Nam

		Kết nối tri thức với cuộc sống	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 5	Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 5	Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.	NXB Đại học Sư phạm TPHCM
11	Mĩ thuật 5	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5	Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam

Danh mục trên gồm 12 sách giáo khoa./.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chí 3.7		x	x	
Tiêu chí 3.8		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả:

Tổng số 29 tiêu chí:

- Đạt mức 1: 29/29 tiêu chí, đạt tỉ lệ 100%
- Đạt mức 2: 29/29 tiêu chí, đạt tỉ lệ 100%
- Đạt mức 3: 10/14 tiêu chí, đạt tỉ lệ 72,4%

Kết luận:

- Đánh giá ngoài: Đạt mức 2
- Kiểm định chất lượng giáo dục: Đạt cấp độ 2
- Trường chuẩn quốc gia: Đạt mức độ 1

b) Kết quả đánh giá ngoài: Chưa đánh giá

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài: Không

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Theo Kế hoạch số 10/KH-THYK, ngày 21/5/2025 đã được PGD phê duyệt (Đăng tải công khai kèm theo)

b) Kế hoạch giáo dục (Được đăng tải kèm theo)

c) Quy chế chuyên môn (Được đăng tải kèm theo)

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục:

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9/2025	Vui đến trường	Khai giảng	Tập trung	5/9/2025	Toàn trường	CMHS

		Tuyên truyền ATGT đường bộ	Tập trung	22/9/2025	Toàn trường	Công an xã
		Phát động tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời 2025	Tập trung	29/9/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 10/2025	Chăm ngoan, học giỏi	Vui Tết Trung thu	Tập trung	06/10/2025	GVCN, HS	CMHS
		Tuyên truyền ngày Bác gửi thư cho ngành GD và Hội liên hiệp thanh niên VN	Tập trung	13/10/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Triển khai mô hình Liên đội và chi đội 3 tốt	Tập trung	13/10/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Đại hội Liên đội	Tập trung	17/10/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tuyên truyền kỷ niệm 20/10	Tập trung	20/10/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Ra mắt các CLB	Tập trung	27/10/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 11/2025	Tri ân thầy cô	Sinh hoạt chuyên đề “Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường”	Tập trung	03/11/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Phát động phong trào “Mỗi tuần một câu chuyện đẹp, một tấm gương sáng, một cuốn sách hay”	Tập trung	10/11/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tuyên truyền, hướng dẫn thiếu nhi về tác hại của ma túy, bia rượu, các chất kích thích và tệ nạn xã hội, luật ATGT	Tập trung	17/11/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Liên hoan văn nghệ	Tập trung	20/11/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS

		Tuyên truyền, giáo dục giới tính, Phòng chống xâm hại tình dục, sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS trong thiếu nhi		24/11/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 12/2025	Uống nước nhớ nguồn	Phát động ngày hội Kế hoạch nhỏ đợt 1	Tập trung	01/12/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Triển khai mô hình “giờ ra chơi trải nghiệm sáng tạo”	Tập trung	08/12/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		TUYÊN TRUYỀN, KỶ NIỆM NGÀY THÀNH LẬP QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VN	Tập trung	15/12/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Hội khỏe Phù Đổng	Tập trung	22/12/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Kết nạp đội viên đợt 1	Tập trung	29/12/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 01/2026	Chào xuân mới – Mừng Đảng quang vinh	Phát động mái ấm đội viên	Tập trung	05/01/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Ngày hội Tiếng Anh	Tập trung	12/01/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Ngày hội STEM	Tập trung	19/01/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tuyên truyền 03/02	Tập trung	26/01/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 02/2026	Tự hào Đoàn ta	Tuyên truyền pháo nổ	Tập trung	02/02/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tìm hiểu ngày Tết quê em	Theo lớp, theo khối	09/02/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Khai bút đầu xuân và Tết trồng cây	Tập trung	23/02/2025	Toàn trường	BGH, GV, HS
					Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 3/2026	Thiếu nhi vui khỏe –	Tuyên truyền kỷ niệm 8/3	Tập trung	05/3/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS

	Tiến bước lên đoàn	Tuyên truyền AT thực phẩm	Tập trung	09/3/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		GD Kỹ năng phòng chống đuối nước....	Tập trung	16/3/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Ngày hội thiếu nhi vui – khỏe	Tập trung	26/3/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Diễn đàn điều em muốn nói	Tập trung	30/3/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 4/2026	Ngày hội non sông	Tôn vinh phụ trách Đội	Tập trung	06/4/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tuyên truyền kỷ niệm 30/4	Tập trung	13/4/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Ngày hội đọc sách	Tập trung	20/4/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Kết nạp Đội đợt 2	Tập trung	27/4/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
Tháng 5/2026	Bác Hồ kính yêu	Kể về tám gương sáng	Tập trung	1/5-15/5/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tuyên truyền 07 /5	Tập trung	11/5/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS
		Tuyên truyền kỷ niệm 15 - 19/5	Tập trung	18/5/2026	Toàn trường	BGH, GV, HS

Các hoạt động sinh hoạt dưới cờ hàng tuần vào sáng thứ Hai, hàng tuần

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	7h - 7 h15'	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
		Tập thể dục, múa hát, nhảy dân vũ..	Toàn trường		và sân trường	

2	Bán trú	Vui chơi tự do	HS bán trú	Từ 10h 20 đến 10h 45	Trong khuôn viên nhà trường	
		Đọc sách, vui chơi	HS bán trú	Từ 11h 15 - 11h 30	Lớp học, thư viện xanh	
		Ôn định chỗ nghỉ, xem tivi, nghe kể chuyện	HS bán trú	11h 30 -12h	Lớp bán trú	
		Ngủ trưa	HS bán trú	12h - 1h 15	Lớp bán trú	
		Thu dọn chỗ ngủ	HS bán trú	1h15-1h30	Lớp bán trú	
3	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	13h45’- 14h	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
4	Sinh hoạt câu lạc bộ;	HS tham gia câu lạc bộ Em yêu thể thao, CLB Nghệ thuật...	HS có nguyện vọng tham gia CLB	Từ 16h 20 phút đến 17h 15 cuối mỗi buổi học.	Sân trường, phòng sinh hoạt CLB	

- Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025:

Số lớp 1	Tổng số trẻ 6 tuổi phải huy động trên địa bàn	Tổng số trẻ huy động vào lớp 1 (trẻ 6 tuổi+độ tuổi khác)	Trong đó								TS trẻ KT được huy động vào lớp 1 học hòa nhập										
			Trẻ 6 tuổi (không có KT)				Độ tuổi khác (không có KT)														
			TS	Đã huy động ra lớp	Nữ	Ti lệ huy động	TS	Đã huy động ra lớp	Nữ	Ti lệ huy động	TS trẻ KT từ 6 đến 14 tuổi	Đã huy động vào lớp 1	Ti lệ huy động	Riêng trẻ 6 tuổi KT ra lớp		Tật vận động (SL)	Tật nghe nói (SL)	Tật nhìn (SL)	Tật thần kinh tâm thần (SL)	Tật trí tuệ (SL)	Tật khác (SL)
													TS	Nữ							
4	121	121	121	121	54	100	0	0	0	0	2	2	2	0	1	0	1	0	0	1	0

TỔNG HỢP HỒ SƠ HỌC SINH
NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1		Tổng số	652	298	45.71	2	0.31	1	0.15	3	0.46	11	1.69
2	01	Tổng	121	54	44.63		0.00		0.00	2	1.65	6	4.96
3	01	1A	29	10	34.48		0.00		0.00	1	3.45		0.00
4	01	1B	31	15	48.39		0.00		0.00		0.00	1	3.23
5	01	1C	32	16	50.00		0.00		0.00		0.00	2	6.25
6	01	1D	29	13	44.83		0.00		0.00	1	3.45	3	10.34
7	02	Tổng	131	61	46.56	1	0.76	1	0.76		0.00		0.00
8	02	2A	33	20	60.61		0.00		0.00		0.00		0.00
9	02	2B	34	16	47.06		0.00		0.00		0.00		0.00
10	02	2C	33	13	39.39	1	3.03	1	3.03		0.00		0.00
11	02	2D	31	12	38.71		0.00		0.00		0.00		0.00
12	03	Tổng	107	53	49.53		0.00		0.00		0.00	2	1.87
13	03	3A	25	14	56.00		0.00		0.00		0.00		0.00
14	03	3B	27	13	48.15		0.00		0.00		0.00	2	7.41
15	03	3C	27	15	55.56		0.00		0.00		0.00		0.00
16	03	3D	28	11	39.29		0.00		0.00		0.00		0.00
17	04	Tổng	153	70	45.75	1	0.65		0.00	1	0.65	3	1.96
18	04	4A	28	15	53.57		0.00		0.00		0.00		0.00
19	04	4B	30	12	40.00		0.00		0.00		0.00	3	10.00
20	04	4C	32	10	31.25	1	3.13		0.00		0.00		0.00
21	04	4D	30	13	43.33		0.00		0.00	1	3.33		0.00
22	04	4E	33	20	60.61		0.00		0.00		0.00		0.00

23	05	Tổng	140	60	42.86		0.00		0.00		0.00		0.00
24	05	5A	36	14	38.89		0.00		0.00		0.00		0.00
25	05	5B	33	13	39.39		0.00		0.00		0.00		0.00
26	05	5C	36	18	50.00		0.00		0.00		0.00		0.00
27	05	5D	35	15	42.86		0.00		0.00		0.00		0.00

THÔNG KÊ HỌC SINH CHUYỂN ĐI, CHUYỂN ĐẾN, THÔI HỌC

NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Khối	Tổng số học sinh	Chuyển đến		Chuyển đi		Thôi học	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1	Khối 1	121	3	2.48	2	1.65		
2	Khối 2	131	2	1.53	2	1.53		
3	Khối 3	107	1	0.93	1	0.93		
4	Khối 4	153	3	1.96	1	0.65		
5	Khối 5	140	3	2.14	1	0.71		
6	TỔNG SỐ	652	12	1.84	7	1.07		

- Kết quả xếp loại năng lực:

ST T	Lớp	Sĩ số	Tự chủ và tự học						Giao tiếp và hợp tác						Giải quyết vấn đề và sáng tạo					
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt	Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
			SL	TL	SL	TL	SL	TL		SL	TL	SL	TL	T L	SL	TL	SL	T L	SL	TL
1	1A	29	15	53,6	13	46,4			15	53,6	13	46,4			15	53,6	13	46, 4		
2	1B	31	28	90,3	2	6,5	1	3,2	25	80,6	5	16,1	1	3,2	18	58,1	12	38, 7	1	3,2
3	1C	32	29	90,6	2	6,3	1	3,1	17	53,1	14	43,8	1	3,1	18	56,3	13	40, 6	1	3,1
4	1D	29	17	60,7	11	39,3			17	60,7	11	39,3			17	60,7	11	39, 3		
5	Tổng khối 01	12 1	89	74,8	28	23,5	2	1,7	74	62,2	43	36,1	2	1,7	68	57,1	49	41, 2	2	1,7
6	2A	33	24	72,7	9	27,3			23	69,7	10	30,3			23	69,7	10	30, 3		
7	2B	34	24	70,6	10	29,4			25	73,5	9	26,5			25	73,5	9	26, 5		
8	2C	33	17	51,5	16	48,5			22	66,7	11	33,3			19	57,6	14	42, 4		
9	2D	31	21	67,7	10	32,3			24	77,4	7	22,6			22	71	9	29		
10	Tổng khối 02	13 1	86	65,6	45	34,4			94	71,8	37	28,2			89	67,9	42	32, 1		
11	3A	25	16	64	9	36			16	64	9	36			16	64	9	36		
12	3B	27	23	85,2	4	14,8			24	88,9	3	11,1			24	88,9	3	11, 1		
13	3C	27	17	63	10	37			22	81,5	5	18,5			22	81,5	5	18, 5		

14	3D	28	19	67,9	9	32,1			22	78,6	6	21,4			22	78,6	6	21,4		
15	Tổng khối 03	107	75	70,1	32	29,9			84	78,5	23	21,5			84	78,5	23	21,5		
16	4A	28	18	64,3	10	35,7			18	64,3	10	35,7			18	64,3	10	35,7		
17	4B	30	16	53,3	14	46,7			16	53,3	14	46,7			16	53,3	14	46,7		
18	4C	32	22	68,8	10	31,3			22	68,8	10	31,3			22	68,8	10	31,3		
19	4D	30	14	48,3	15	51,7			14	48,3	15	51,7			14	48,3	15	51,7		
20	4E	33	19	57,6	14	42,4			19	57,6	14	42,4			18	54,5	15	45,5		
21	Tổng khối 04	153	89	58,6	63	41,4			89	58,6	63	41,4			88	57,9	64	42,1		
22	5A	36	19	52,8	17	47,2			19	52,8	17	47,2			19	52,8	17	47,2		
23	5B	33	20	60,6	13	39,4			18	54,5	15	45,5			19	57,6	14	42,4		
24	5C	36	17	47,2	19	52,8			17	47,2	19	52,8			18	50	18	50		
25	5D	35	24	68,6	11	31,4			28	80	7	20			17	48,6	18	51,4		
26	Tổng khối 05	140	80	57,1	60	42,9			82	58,6	58	41,4			73	52,1	67	47,9		
27	Tổng	652	419	64,6	228	35,1	2	0,3	423	65,2	224	34,5	2	0,3	402	61,9	245	37,8	2	0,3

- Kết quả xếp loại phẩm chất:

S T T	Lớp	Số	Yếu nước						Nhân ái						Chăm chỉ						Trách nhiệm							
			Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Tốt		Đạt		Tốt		Đạt	
			SL	TL	SL	TL	S L	T L	SL	TL	SL	TL	S L	T L	SL	TL	SL	TL	S L	T L	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	1A	29	17	60,7	11	39,3			17	60,7	11	39,3			17	60,7	11	39,3			17	60,7	11	39,3	17	60,7	11	39,3
2	1B	31	29	93,5	2	6,5			28	90,3	3	9,7			28	90,3	3	9,7			28	90,3	3	9,7	22	71,0	9	29,0
3	1C	32	26	81,3	6	18,8			26	81,3	6	18,8			26	81,3	6	18,8			26	81,3	6	18,8	26	81,3	6	18,8
4	1D	29	23	82,1	5	17,9			23	82,1	5	17,9			23	82,1	5	17,9			23	82,1	5	17,9	23	82,1	5	17,9
5	Tổng khối 01	121	95	79,8	24	20,2			94	79,0	25	21,0			94	79,0	25	21,0			94	79,0	25	21,0	88	73,9	31	26,1
6	2A	33	28	84,8	5	15,2			28	84,8	5	15,2			28	84,8	5	15,2			28	84,8	5	15,2	28	84,8	5	15,2
7	2B	34	28	82,4	6	17,6			28	82,4	6	17,6			26	76,5	8	23,5			28	82,4	6	17,6	27	79,4	7	20,6
8	2C	33	26	78,8	7	21,2			25	75,8	8	24,2			25	75,8	8	24,2			26	78,8	7	21,2	26	78,8	7	21,2
9	2D	31	30	96,8	1	3,2			29	93,5	2	6,5			23	74,2	8	25,8			29	93,5	2	6,5	25	80,6	6	19,4
10	Tổng khối 02	131	112	85,5	19	14,5			110	84,0	21	16,0			102	77,9	29	22,1			111	84,7	20	15,3	106	80,9	25	19,1
11	3A	25	21	84,0	4	16,0			21	84,0	4	16,0			20	80,0	5	20,0			21	84,0	4	16,0	20	80,0	5	20,0
12	3B	27	25	92,6	2	7,4			23	85,2	4	14,8			23	85,2	4	14,8			25	92,6	2	7,4	24	88,9	3	11,1
13	3C	27	26	96,3	1	3,7			27	100,0					17	63,0	10	37,0			16	59,3	11	40,7	16	59,3	11	40,7
14	3D	28	28	100,0					24	85,7	4	14,3			17	60,7	11	39,3			22	78,6	6	21,4	21	75,0	7	25,0
15	Tổng khối 03	107	100	93,5	7	6,5			95	88,8	12	11,2			77	72,0	30	28,0			84	78,5	23	21,5	81	75,7	26	24,3
16	4A	28	28	100,0					28	100,0					23	82,1	5	17,9			23	82,1	5	17,9	23	82,1	5	17,9
17	4B	30	16	53,3	14	46,7			16	53,3	14	46,7			16	53,3	14	46,7			16	53,3	14	46,7	16	53,3	14	46,7

18	4C	32	26	81,3	6	18,8			30	93,8	2	6,3			23	71,9	9	28,1			22	68,8	10	31,3	22	68,8	10	31,3
19	4D	30	18	62,1	11	37,9			18	62,1	11	37,9			18	62,1	11	37,9			18	62,1	11	37,9	18	62,1	11	37,9
20	4E	33	30	90,9	3	9,1			30	90,9	3	9,1			18	54,5	15	45,5			28	84,8	5	15,2	24	72,7	9	27,3
21	Tổng khối 04	153	118	77,6	34	22,4			122	80,3	30	19,7			98	64,5	54	35,5			107	70,4	45	29,6	103	67,8	49	32,2
22	5A	36	36	100,0					36	100,0					24	66,7	12	33,3			24	66,7	12	33,3	24	66,7	12	33,3
23	5B	33	33	100,0					33	100,0					19	57,6	14	42,4			33	100,0			24	72,7	9	27,3
24	5C	36	36	100,0					36	100,0					19	52,8	17	47,2			20	55,6	16	44,4	19	52,8	17	47,2
25	5D	35	35	100,0					35	100,0					20	57,1	15	42,9			25	71,4	10	28,6	29	82,9	6	17,1
26	Tổng khối 05	140	140	100,0					140	100,0					82	58,6	58	41,4			102	72,9	38	27,1	96	68,6	44	31,4

- Xếp loại theo môn học, hoạt động giáo dục:

STT	Lớp	Sĩ số	Mức độ	Tiếng Việt				Toán			
				SL	TL	Nữ	Dân tộc	SL	TL	Nữ	Dân tộc
1	1A	29	T	17	60,71	5		17	60,71	4	
2			H	11	39,29	4		11	39,29	5	
3			C								
4	1B	31	T	20	64,52	12		23	74,19	13	
5			H	10	32,26	3		7	22,58	2	
6			C	1	3,23			1	3,23		
7	1C	32	T	17	53,13	8		18	56,25	8	
8			H	14	43,75	8		13	40,63	8	
9			C	1	3,13			1	3,13		
10	1D	29	T	17	60,71	8		20	71,43	11	
11			H	11	39,29	5		8	28,57	2	
12			C								
13	Tổng khối 01	121	T	71	59,66	33		78	65,55	36	
14			H	46	38,66	20		39	32,77	17	
15			C	2	1,68			2	1,68		
16	2A	33	T	22	66,67	15		25	75,76	16	
17			H	11	33,33	5		8	24,24	4	
18			C								
19	2B	34	T	25	73,53	13		26	76,47	13	
20			H	9	26,47	3		8	23,53	3	
21			C								
22	2C	33	T	15	45,45	7	1	15	45,45	7	1
23			H	18	54,55	6		18	54,55	6	
24			C								

25	2D	31	T	21	67,74	12		25	80,65	12	
26			H	10	32,26			6	19,35		
27			C								
28	Tổng khối 02	131	T	83	63,36	47	1	91	69,47	48	1
29			H	48	36,64	14		40	30,53	13	
30			C								
31	3A	25	T	19	76	10		16	64	9	
32			H	6	24	4		9	36	5	
33			C								
34	3B	27	T	20	74,07	12		22	81,48	12	
35			H	7	25,93	1		5	18,52	1	
36			C								
37	3C	27	T	18	66,67	11		17	62,96	11	
38			H	9	33,33	4		10	37,04	4	
39			C								
40	3D	28	T	19	67,86	8		17	60,71	6	
41			H	9	32,14	3		11	39,29	5	
42			C								
43	Tổng khối 03	107	T	76	71,03	41		72	67,29	38	
44			H	31	28,97	12		35	32,71	15	
45			C								
46	4A	28	T	19	67,86	9		21	75	10	
47			H	9	32,14	6		7	25	5	
48			C								
49	4B	30	T	15	50	9		17	56,67	9	
50			H	15	50	3		13	43,33	3	
51			C								
52	4C	32	T	18	56,25	6	1	18	56,25	6	1
53			H	14	43,75	4		14	43,75	4	
54			C								
55	4D	30	T	15	51,72	9		13	44,83	8	
56			H	13	44,83	3		15	51,72	4	
57			C	1	3,45	1		1	3,45	1	
58	4E	33	T	19	57,58	13		22	66,67	15	
59			H	14	42,42	7		11	33,33	5	
60			C								
61	Tổng khối 04	153	T	86	56,58	46	1	91	59,87	48	1
62			H	65	42,76	23		60	39,47	21	
63			C	1	0,66	1		1	0,66	1	
64	5A	36	T	19	52,78	9		28	77,78	13	
65			H	17	47,22	5		8	22,22	1	
66			C								

67	5B	33	T	21	63,64	7		22	66,67	8	
68			H	12	36,36	6		11	33,33	5	
69			C								
70	5C	36	T	20	55,56	15		23	63,89	13	
71			H	16	44,44	3		13	36,11	5	
72			C								
73	5D	35	T	21	60	13		27	77,14	12	
74			H	14	40	2		8	22,86	3	
75			C								
76	Tổng khối 05	140	T	81	57,86	44		100	71,43	46	
77			H	59	42,14	16		40	28,57	14	
78			C								

+ Các môn học khác toàn trường tỉ lệ học sinh đạt hoàn thành 100%.

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Tổng Số	652	228	122	296	3
2	Khối 1	121	48	18	51	2
3	1A	29	13	2	13	
4	1B	31	13	5	12	1
5	1C	32	11	5	15	1
6	1D	29	11	6	11	
7	Khối 2	131	56	25	50	
8	2A	33	16	6	11	
9	2B	34	17	7	10	
10	2C	33	12	3	18	
11	2D	31	11	9	11	
12	Khối 3	107	44	20	43	
13	3A	25	11	5	9	
14	3B	27	10	7	10	
15	3C	27	13	3	11	
16	3D	28	10	5	13	
17	Khối 4	153	40	34	77	1
18	4A	28	8	9	11	
19	4B	30	7	7	16	
20	4C	32	7	9	16	
21	4D	30	9	3	16	1
22	4E	33	9	6	18	
23	Khối 5	140	40	25	75	
24	5A	36	12	6	18	
25	5B	33	8	6	19	

26	5C	36	10	7	19	
27	5D	35	10	6	19	

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỌC SINH LÊN LỚP, THI LẠI, LƯU BAN NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Khối	Lớp	Tổng số học sinh	Hoàn thành chương trình lớp học		Lên lớp		Gửi hiệu trưởng cho lên lớp		Kiểm tra lại, rèn luyện lại HK trong hè		Lưu ban	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Khối 1	1A	29	28	96.6	29	100.0						
2	Khối 1	1B	31	30	96.8	30	96.8					1	3.2
3	Khối 1	1C	32	31	96.9	31	96.9					1	3.1
4	Khối 1	1D	29	28	96.6	29	100.0						
5		Tổng khối 01	121	117	96.7	119	98.3					2	1.7
6	Khối 2	2A	33	33	100.0	33	100.0						
7	Khối 2	2B	34	34	100.0	34	100.0						
8	Khối 2	2C	33	33	100.0	33	100.0						
9	Khối 2	2D	31	31	100.0	31	100.0						
10		Tổng khối 02	131	131	100.0	131	100.0						
11	Khối 3	3A	25	25	100.0	25	100.0						
12	Khối 3	3B	27	27	100.0	27	100.0						
13	Khối 3	3C	27	27	100.0	27	100.0						
14	Khối 3	3D	28	28	100.0	28	100.0						
15		Tổng khối 03	107	107	100.0	107	100.0						
16	Khối 4	4A	28	28	100.0	28	100.0						
17	Khối 4	4B	30	30	100.0	30	100.0						
18	Khối 4	4C	32	32	100.0	32	100.0						
19	Khối 4	4D	30	28	93.3	29	96.7					1	3.3
20	Khối 4	4E	33	33	100.0	33	100.0						
21		Tổng khối 04	153	151	98.7	152	99.3					1	0.7
22	Khối 5	5A	36	36	100.0	36	100.0						
23	Khối 5	5B	33	33	100.0	33	100.0						
24	Khối 5	5C	36	36	100.0	36	100.0						
25	Khối 5	5D	35	35	100.0	35	100.0						
26		Tổng khối 05	140	140	100.0	140	100.0						
27		TỔNG SỐ	652	646	99.1	649	99.5					3	0.5

- Kết quả xét lên lớp, hoàn thành chương trình tiểu học:

Khối Lớp	Tổng số HS ĐDG	HS HTCTLH (HTCTTH)		HS Chưa HT		HS khuyết tật hòa nhập			Ghi chú HS ĐLL sau KT lại
		SL	%	SL	%	SL	Lên lớp Học HN	KT lại, RLTH	
1	121	119	98,4	2	1,6	2	2	0	
2	131	131	100	0	0	0	0	0	
3	107	107	100	0	0	0	0	0	
4	153	152	99,3	1	0	1	1	0	
5	140	140	100	0	0	0	0	0	
Cộng	652	649	99,5	3	0,5	3	3	0	

2. Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2025 - 2026

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp					
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi	Trẻ 7 tuổi và HTCT lớp 1	Trẻ 8 tuổi và HTCT lớp 2	Trẻ 9 tuổi và HTCT lớp 3	Trẻ 10 tuổi và HTCT lớp 4	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Các lớp 1, 2, 3, 4, 5 thực hiện chương trình 2018 theo Thông tư số: 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành chương trình GDPT.					
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện tốt thông tin 2 chiều: Thông qua trao đổi trực tiếp, số liên lạc điện từ eNetViet, điện thoại hoặc nhóm Zalo giữa nhà trường, GVCN với PHHS. Hàng kỳ Hội đồng nhà trường thực hiện họp với Ban đại diện cha mẹ HS các lớp; GVCN tổ chức họp phụ huynh các lớp để thông báo kết quả giáo dục từng kì, cả năm. - HS thực hiện tốt các nhiệm vụ HS theo Điều lệ Trường TH.					
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, GD truyền thống GD đạo đức, GDPL, rèn kĩ năng sống, GDQPAN, KNCDS cho HS. Tổ chức dạy Tin học đúng quy định, khuyến khích HS tham gia các cuộc thi năng khiếu trên internet để hình thành năng lực công dân số. Đưa các trò chơi dân gian vào trường học, tổ chức các cuộc thi, các sân chơi trí tuệ,... nhằm phục vụ cho việc GD TD học sinh.					
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	99,6% HTCT lớp học		100% HTCT lớp học	100% HTCT lớp học	99,5% HTCT lớp học	100% HTCT tiểu học
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	98,4% lên lớp 2		100% lên lớp 3	100% lên lớp 4	99,3% lên lớp 5	100% lên lớp 6

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài: Không
Trường Tiểu học Yết Kiêu công khai trong trường học, đầu năm học 2025 – 2026.

Nơi nhận:

- UBND xã (báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đặng Minh Nguyệt

